

PHẬT NÓI KINH VÔ ÚY ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thích Quang Lộc
Khanh_ Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Bất Sô: “Các ông hãy lắng nghe! Nay Ta diễn nói về Vô Úy Đà La Ni. Đà La Ni này hay giúp cho chúng sinh chận đứng và trừ bỏ các nạn.

Này Bất Sô! Nếu có người được nghe và thọ trì thì người đó sẽ được Công Đức vô lượng vô biên. Liền nói Đà La Ni là :

- 1) **Án_ Na mạc a li-dã phộc lộ cát đế thuyết la dã**
- 2) **Mạo địa tát đỏa dã**
- 3) **Ma hạ tát đỏa dã**
- 4) **Ma hạ ca lỗ ni ca dã**
- 5) **Đát nãnh tha: Án_ Mục khát-đế**
- 6) **Tô mục khát-đế**
- 7) **Thế na nễ**
- 8) **Vĩ thế na nễ**
- 9) **Nễ li-ma lệ**
- 10) **Mãng nga lê**
- 11) **Tô mãng nga lê**
- 12) **Tô mục khế**
- 13) **Vĩ mục khế**
- 14) **Tát li-phộc bạt dã, vĩ mô xoa ni**
- 15) **Tát li-phộc bạt dụ, bát nại-la phệ tỷ-dược, vĩ mô xoa ni**
- 16) **La nhạ bạt dựng**
- 17) **Turu la bạt dựng**
- 18) **Ma la noa bạt dựng**
- 19) **A tát-li dã bạt dựng**
- 20) **Thiết tát-đát-la bạt dựng**
- 21) **A ngật-nễ bạt dựng**
- 22) **Ô na ca bạt dựng**
- 23) **Vĩ sa bạt dựng**
- 24) **Ba la tác khát-la bạt dựng**
- 25) **Tát nãnh bạt dựng**
- 26) **Thiết đót-lỗ bạt dựng**
- 27) **A thiết nễ bạt dựng**
- 28) **Tái na mạt đình nga đô phộc**
- 29) **Turu la mạt đình nga đô phộc**
- 30) **Tinh hạ mạt đình nga đô phộc**
- 31) **Mê khiệt-la mạt đình nga đô phộc**
- 32) **Dược xoa mạt đình nga đô phộc**
- 33) **Nại-vĩ ba mạt đình nga đô phộc**
- 34) **Tán noa mạt đình nga đô phộc**
- 35) **Khất li sắt-noa tát li-ba mạt đình nga đô phộc**

- 36) A tả ca la mặt đình nga đô phộc
- 37) Hát tất-để mặt đình nga đô phộc
- 38) Tam mẫu nại-la mặt đình nga đô phộc
- 39) Ca la bá thiết mặt đình nga đô phộc
- 40) Nễ nga noa măn đà đô phộc
- 41) Ca sắt-tra măn đà đô phộc
- 42) Tạt lị-ma măn đà đô phộc
- 43) Vĩ sa khát-la mặt đô phộc
- 44) Nạp lị-tích xoa đô phộc
- 45) Nễ nga noa măn đà đô phộc
- 46) Ba la thiết sa-đát-la đô phộc
- 47) Tát lị-phộc nãnh nãi phộc bạt duệ số
- 48) Tát lị-vu bát nại-la vi số một tiết đế
- 49) Tát lị-phộc bạt dã một tiết đế
- 50) Lâu xoa lâu xoa , ma ma, tát lị-phộc tát đỏa nẫm
- 51) A dụ la lỗ nghê
- 52) Thắt-lị dựng phộc lị-đà dã
- 53) A lị-dã phộc lộ cát đế thuyết la tả
- 54) Hát đế, vĩ hát đế
- 55) Hát lệ, vĩ hát lệ
- 56) Tát lị-vi bát-la đà lị-thể ca mô tả nỡ
- 57) Mô xoa ni
- 58) Vĩ lị-dã. Án, na mô, sa hạ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói Đà La Ni đó xong, lại bảo các Bát Sô rằng: “Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe Đà La Ni này, phát Tâm chí thành, cung tín cúng dường, đọc tụng, thọ trì. Hoặc tự tay viết hoặc nhờ người viết. Lại vì kẻ khác diễn nói lưu bố thì người đó chẳng bị nạn vua chúa, nạn nước lửa, nạn đao binh, nạn oán tặc làm hại gây thương tật. Lại cũng chẳng bị nạn Dạ Xoa, nạn cầm phộc, nạn sấm sét mưa đá, nạn sét đánh, nạn chìm đắm nổi trôi trong biển lớn, nạn rắn độc cắn, nạn sư tử, sói, voi, nạn ác thú, cọp mạnh, nạn đói khát bệnh tật.

Như vậy, chẳng bị các nạn gây hại cho đến thầy đều giải thoát các sự sợ hãi.

Khi ấy, các Chúng Bát Sô nghe lời Phật dạy, vui vẻ tin nhận, làm lễ rồi lui ra.

PHẬT NÓI KINH VÔ ÚY ĐÀ LA NI

Hết

ABHAYAM-DĀDA DHĀRAṆĪ

(THÍ VÔ ÚY ĐÀ LA NI)

OM NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

(Quy mệnh kính lễ Đấng đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát)

TADYATHĀ: OM MUKTE SU-MUKTE CCHEDANI VI-CCHEDANI NIRMALE MAṄGALE SU-MAṄGALE SUMUKHE VIMUKHE

(Như vậy: Hỡi Môn màu nhiệm không còn chỗ tham nhiễm! Hãy giải thoát, khéo giải thoát, trừ diệt, trừ diệt khắp, không còn các cấu uế, khiến cho tốt lành, tốt lành khắp)

SARVA BHAYA VIMOKṢAṆI
(Giải thoát tất cả sự đáng sợ)
SARVA BHAYA UPADRAVEBHYAḤ VIMOKṢAṆI
(Giải thoát tất cả nhóm tai nạn đáng sợ)
RĀJA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của vua chúa)
CORA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của oán tặc)
MARANA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của cái chết)
APRIYA-BHAYAM
(Sự đáng sợ khi bị oán ghét)
ŚASTRA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của vũ khí)
AGNI-BHAYAM
(Sự đáng sợ của lửa)
UDAKA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của nước)
VIṢA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của chất độc)
PARACAKRA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của quân địch)
SAINYA-BHAYAM
(Sự đáng sợ của quân đội)
ŚATRŪ-BHAYAM
(Sự đáng sợ của oan gia)
AŚANI-BHAYAM
(Sự đáng sợ của mưa đá)
SAINYA-MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa quân đội)
CORA-MADGYA-GATAVAT
(Đi qua giữa oán tặc)
SIMHA-MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa loài sư tử)
VYĀGHRA-MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa loài cọp)
YAKṢA-MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa loài Dạ Xoa)
DVIPA-MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa loài voi)
DAṆḌA-MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa gậy gộc)
KṚṢṆA-SARPA- MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa loài rắn đen)
AJA-GARA MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa loài trùng to lớn)
HASTI MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa loài voi to lớn)
SAMUDRA MADHYA-GATAVAT

(Đi qua giữa biển cả)
KĀLA-PĀŚA MADHYA-GATAVAT
(Đi qua giữa sợi dây của Tứ Thần)
NIGAḌA-BANDHA DUVAS
(Tôn kính Đấng cột trời sự gông cùm xiềng xích)
KĀṢṬHA-BANDHA DUVAS
(Tôn kính Đấng cột trời gậy gộc)
CARMA-BANDHA DUVAS
(Tôn kính Đấng cột trời sự lau chùi tẩy rửa khắp cả)
VIṢA-KṚMI BANDHA DUVAS
(Tôn kính Đấng cột trời loài trùng độc)
SARVA VYASANEṢU, SARVA UPADRAVEṢU MUCYATE
(Giải trừ tất cả sự nguy hiểm nhanh chóng, tất cả tai nạn nhanh chóng)
SARVA BHAYA MUCYATE
(Giải trừ tất cả sự đáng sợ)
DURBHIKṢA-BANDHA DUVAS
(Tôn kính Đấng cột trời sự khổ não)
PARA-ŚASTRA BHANDHA DUVAS
(Tôn kính Đấng cột trời vũ khí của kẻ khác)
RAKṢA RAKṢA MAMA SARVA SATVĀNĀM
(Ứng hộ, hộ giúp cho con với các chúng hữu tình)
ĀYUR ĀROGYA ŚRĪYAM VARDHĀYA
(Tăng trưởng: tuổi thọ, không có bệnh tật, được mọi điều tốt lành)
ĀRYA-AVALOKITEŚVARAṢYA
(Hàng Thánh Quán Tự Tại)
HATE VIHATE , HARE VIHARE
(Trừ khử sự trái nghịch, trừ khử khắp cả sự trái nghịch)
SARVE PRATYARTHIKĀ MOCANI MOKṢAṆI VĪRYA
(Tinh tiến giải thoát, giải phóng tất cả sự oán đối, oán địch, cừu hận)
OM NAMO SVĀHĀ
(Quy mệnh kính lễ, quyết định thành tựu)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 15/01/2015